

Số: 163 /TB-DHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II năm 2020

Căn cứ chỉ tiêu đào tạo Dược sĩ chuyên khoa cấp I (DSCKI), Dược sĩ chuyên khoa cấp II (DSCKII) đã xác định năm 2020; Trường Đại học Dược Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo DSCKI, DSCKII năm 2020 như sau:

I. CHỈ TIÊU VÀ CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Chỉ tiêu: 200.

Các chuyên ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Dược lý và dược lâm sàng; Dược liệu - Dược học cổ truyền; Hóa sinh dược, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Tổ chức quản lý dược.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Chỉ tiêu: 40

Các chuyên ngành tuyển sinh: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; Dược lý và dược lâm sàng; Dược liệu - Dược học cổ truyền; Hóa dược; Hóa sinh dược, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Tổ chức quản lý dược.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

1.1. Có bằng tốt nghiệp đại học dược, có thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực y tế ít nhất 12 tháng (tính từ ngày có Quyết định tốt nghiệp đến ngày dự thi).

1.2. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

1.3. Có đủ sức khỏe để học tập.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

2.1. Có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I hoặc bằng Thạc sĩ dược học đúng chuyên ngành hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi.

Đối với người có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I: Được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

Đối với người có bằng Thạc sĩ dược học: Có ít nhất 36 tháng công tác trong chuyên ngành đăng ký dự thi kể từ khi tốt nghiệp.

2.2. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ:

Thí sinh dự thi phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Đạt trình độ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (*Phụ lục 1*).

Thí sinh dự thi được miễn ngoại ngữ khi có một trong những điều kiện sau:

- Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (có minh chứng).

- Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh (có minh chứng).

Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2020.

Các đối tượng được miễn thi môn ngoại ngữ trên sẽ học và thi đạt trình độ ngoại ngữ trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.

2.3. Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 4 năm.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài không quá 4 năm.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

a. Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

b. Các môn thi tuyển sinh:

Môn Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: Theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Môn Hóa dược: Theo chương trình đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

a. Hình thức tuyển sinh: thi tuyển.

Môn chuyên ngành: Thi tự luận với thời gian 180 phút/1 môn.

b. Các môn thi tuyển sinh:

Môn chuyên ngành: Theo chương trình đào tạo DCKI của Trường Đại học Dược Hà Nội.

(Nội dung hướng dẫn ôn tập của các môn thi được công bố trên website của Trường.

Nhà trường không tổ chức ôn tập).

V. HỒ SƠ TUYỂN SINH

Hồ sơ tuyển sinh gồm các giấy tờ xếp theo thứ tự dưới đây:

1. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

- 1.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển *(theo mẫu)*.
- 1.2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học dược.
- 1.3. Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp *(đối với người có việc làm)*.
- 1.4. Sơ yếu lý lịch *(có dán ảnh và đóng dấu giáp lai)* có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(đối với người có việc làm)* hoặc chính quyền địa phương *(đối với người chưa có việc làm)*.
- 1.5. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng *(theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.
- 1.6. Giấy xác nhận thâm niên công tác của cơ quan có thẩm quyền *(theo mẫu)*.
- 1.7. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên *(nếu có)* theo quy định của Nhà nước.
- 1.8. Ba ảnh 4 x 6 cm *(ghi rõ họ và tên; ngày tháng năm sinh, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh)* và 03 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc người nhận.

2. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

- 2.1. Phiếu đăng ký dự thi tuyển *(theo mẫu)*.
- 2.2. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp đại học dược.
- 2.3. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp DCKI và bảng điểm DCKI.
- 2.4. Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp Thạc sĩ dược học và bảng điểm Thạc sĩ *(thí sinh đã tốt nghiệp Thạc sĩ)*.
- 2.5. Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh theo quy định *((Phụ lục 1)*
- 2.6. Công văn cử đi dự thi tuyển DCKII của cơ quan quản lý trực tiếp *(đối với người có việc làm)*.
- 2.7. Sơ yếu lý lịch *(có dán ảnh và đóng dấu giáp lai)* có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(đối với người có việc làm)* hoặc chính quyền địa phương *(đối với người chưa có việc làm)*.
- 2.8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng *(theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.
- 2.9. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan có thẩm quyền với đối tượng dự thi là Thạc sĩ *(theo mẫu)*.
- 2.10. Giấy chứng nhận thuộc diện ưu tiên *(nếu có)* theo qui định của Nhà nước.
- 2.11. Ba ảnh 4 x 6 cm *(ghi rõ họ tên, ngày, nơi sinh vào mặt sau mỗi ảnh)* và 03 phong bì có ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc người nhận.

Lưu ý: Học viên trúng tuyển khi nhập học phải đóng học phí và các khoản lệ phí khác theo đúng quy định hiện hành (*Mức học phí của các hệ DSCKI, DSCKII xem trên website của Trường*).

VI. LỆ PHÍ DỰ THI

Lệ phí dự thi DSCKI: **300.000 đ** (*Ba trăm nghìn đồng*).

Lệ phí dự thi DSCKII: **300.000 đ** (*Ba trăm nghìn đồng*).

Lưu ý: Mức lệ phí trên cho các thí sinh đăng ký thi tại Trường Đại học Dược Hà Nội.

Đối với thí sinh đăng ký thi tại địa điểm khác Nhà trường sẽ thông báo lệ phí sau.

Hướng dẫn nộp lệ phí xem tại *Phụ lục 2*. Thí sinh nộp hồ sơ nhưng không dự thi sẽ không được hoàn lại hồ sơ và lệ phí dự thi.

VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THI TUYỂN

1. **Thời gian thi tuyển:** Ngày 21 và 22 tháng 8 năm 2020.

2. **Địa điểm thi tuyển:**

Các tỉnh phía Bắc (từ Huế trở ra): Thi tại Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các tỉnh phía Nam: Thi tại Trường Cao đẳng Quân Y 2, số 50 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP Hồ Chí Minh (nếu điểm thi có ≥ 20 thí sinh).

VIII. THỜI HẠN, HÌNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ

1. **Thời gian đăng ký hồ sơ trực tuyến** tại địa chỉ: <http://tuyensinhsaudaihoc.hup.edu.vn> (*Hướng dẫn đăng ký xem tại Phụ lục 2*): **Từ 8h00 ngày 04 tháng 5 năm 2020 đến 16h30 ngày 30 tháng 7 năm 2020.**

2. **Thời gian tiếp nhận hồ sơ:** Sau khi đăng ký trực tuyến, thí sinh trực tiếp nộp hồ sơ (bản cứng) tại Phòng Sau đại học: Tất cả giấy tờ được đựng trong một túi hồ sơ (*theo mẫu của Nhà trường*), bên ngoài ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của thí sinh. **Thời gian: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến ngày 03 tháng 8 năm 2020.**

Ghi chú: Nhà trường chỉ tiếp nhận hồ sơ dự thi đầy đủ giấy tờ theo quy định và đã đăng ký hồ sơ trực tuyến.

3. **Địa điểm nộp hồ sơ**

Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

IX. THỜI ĐIỂM CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ KHAI GIẢNG KHÓA HỌC

1. **Công bố kết quả thi tuyển:** Dự kiến tháng 9 năm 2020.

2. **Khai giảng khóa học:** Dự kiến tháng 10 năm 2020.

X. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Đối với lớp đào tạo tại Trường Đại học Dược Hà Nội, thu học phí theo Quy định.

Đối với lớp tổ chức tại địa phương theo nhu cầu của các Sở Y tế (nếu lớp có ≥ 20 học viên), kinh phí thu theo thỏa thuận.

Thông tin chi tiết trong quá trình tuyển sinh và xét trúng tuyển xem trên trang web tuyển sinh của Trường: <http://www.hup.edu.vn/cpbdv/psdh/Pages/TuyensinhSDH.aspx>

Hoặc liên hệ trực tiếp:

Phòng Sau đại học - Trường Đại học Dược Hà Nội, số 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 024 38267480

Fax: 024 38264464 (đề gửi: Phòng Sau đại học)

Kính đề nghị các cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh này tới các cơ sở trực thuộc và các cán bộ y tế có nguyện vọng dự thi các chương trình nói trên để kịp thời đăng ký và hoàn tất thủ tục dự thi tuyển.

Nơi nhận:

- Các cơ quan, đơn vị y tế TW và địa phương;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCKT;
- Website;
- Niêm yết bảng tin;
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG *Hx*



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

[Signature]

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC*	Cambridge Exam	BEC	BULATS	CEFR
Cấp độ 3	4.5	450 ITP 133 CBT 45 iBT	450 (105-90)	PET	Preliminary	40	B1
Cấp độ 4	5.5	500 ITP 173 CBT 61 iBT	600 (140-130)	First FCE	Business Vantage	60	B2

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

Chứng chỉ tiếng Anh phải do một cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận cấp, còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày dự thi.

(*): Bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam: quy đổi tương đương TOEIC yêu cầu 4 kỹ năng, trong đó 2 kỹ năng nghe và đọc đạt 450 điểm, kỹ năng nói đạt 105 điểm và viết đạt 90 điểm. Bậc 4/6 quy đổi tương đương TOEIC yêu cầu 4 kỹ năng, trong đó 2 kỹ năng nghe và đọc đạt 600 điểm, kỹ năng nói đạt 140 điểm và viết đạt 130 điểm.

Danh sách các đơn vị được cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (từ ngày 06/12/2018 đến tháng 03/2020)

TT	Cơ sở được cấp phép	Ngày có văn bản cho phép của Cục QLCL – Bộ GD&ĐT
1	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội	06/12/2018
2	Trường Đại học Hà Nội	15/5/2019
3	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	15/5/2019
4	Đại học Thái Nguyên	15/5/2019
5	Trường Đại học Vinh	07/11/2019
6	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	06/12/2018
7	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	06/12/2018
8	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	06/12/2018
9	Trường Đại học Cần Thơ	15/5/2019
10	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	20/02/2020

11	Học viện An Ninh	13/12/2019
12	Đại học Sài Gòn	07/02/2020
13	Đại học Trà Vinh	06/3/2020
14	Trường Đại học Văn Lang	12/3/2020

Ghi chú:

- Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, người dự tuyển gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác nhận về việc quy đổi tương đương trước khi nộp hồ sơ.

- Trường hợp người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, người dự tuyển phải gửi đến Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo để xem xét, công nhận trước khi nộp hồ sơ.

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ DỰ THI TRỰC TUYẾN VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Đăng ký dự thi trực tuyến

Truy cập đường link: <http://tuyensinhsaudaihoc.hup.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo các bước hướng dẫn sau:

Các bước thực hiện:

Bước 1: Đọc Thông báo tuyển sinh sau đại học 2020.

Bước 2: Tạo tài khoản (Liên kết tạo tài khoản)

Bước 3: Đăng nhập (Liên kết Đăng nhập)

Bước 4: Khai thông tin cá nhân (Liên kết Khai thông tin đăng ký tuyển sinh)

Lưu ý: Nhấn liên kết hướng dẫn kê khai thông tin đăng ký tuyển sinh để xem hướng dẫn kê khai. Liên hệ Phòng Sau đại học hoặc Phòng Công nghệ thông tin để được trợ giúp nếu gặp lỗi khi đăng ký.

2. Nộp lệ phí tuyển sinh (sau khi đã đăng ký trực tuyến thành công hoặc trước khi nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Sau đại học), sử dụng một trong hai hình thức sau:

- Nộp trực tiếp tại Phòng Tài chính kế toán - Trường Đại học Dược Hà Nội
- Chuyển khoản:

Tên tài khoản:	Trường Đại học Dược Hà Nội
Số tài khoản:	1601.000.028.8866
Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), chi nhánh Sở giao dịch 3
Số tiền:	xxxxx đồng
Nội dung:	Họ tên thí sinh, hệ tuyển sinh.

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CÁC MÔN THI TUYỂN SINH
DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I, CẤP II NĂM 2020

I. DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I

MÔN: KỸ THUẬT BẢO CHẾ VÀ SINH DƯỢC HỌC CÁC DẠNG THUỐC

1. Các loại dung môi dùng pha chế dung dịch thuốc và ưu, nhược điểm của chúng.
2. Ưu, nhược điểm của thuốc tiêm. Ví dụ thuốc tiêm.
3. Ưu, nhược điểm của các dạng thuốc dùng tại chỗ ở mắt. Ví dụ thuốc nhỏ mắt.
4. Thành phần của nhũ tương thuốc. Ví dụ nhũ tương thuốc.
5. Thành phần của hỗn dịch thuốc. Ví dụ hỗn dịch thuốc.
6. Ưu, nhược điểm thuốc mỡ là gel. Ví dụ gel bôi da..
7. Kỹ thuật bào chế thuốc mỡ bằng phương pháp hoà tan. Cho ví dụ.
8. Ưu, nhược điểm của thuốc đặt trực tràng. Ví dụ thuốc đặt trực tràng.
9. Phân loại và ưu, nhược điểm của viên nén. Ví dụ viên nén.
10. Mục đích bao viên và ưu, nhược điểm của thuốc bao film (bao màng mỏng). Ví dụ viên bao.
11. Ưu, nhược điểm bột, cốm pha hỗn dịch uống. Ví dụ bột, cốm pha hỗn dịch uống.
12. Mục đích đóng thuốc vào nang và ưu, nhược điểm của thuốc nang. Ví dụ thuốc nang.

Tài liệu tham khảo chính:

Bộ môn Bào chế - Trường Đại học Dược Hà Nội (2006), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, Tập 1 & 2, NXB Y học.

MÔN: HÓA DƯỢC

TT	Chương / Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể	Ghi chú tài liệu
1	Thuốc an thần, gây ngủ		
	Dẫn chất barbiturat	Phenobarbital	Hóa Dược I, tr. 26-39
	Dẫn chất benzodiazepin	Diazepam, Nitrazepam	
2	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid		
	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm phi steroid	Aspirin, Paracetamol, Diclofenac	Hóa Dược I, tr. 79-114
3	Thuốc tác dụng lên hệ thần kinh giao cảm		
	Cường giao cảm	Adrenalin, Ephedrin	Hóa Dược I, tr. 139-174
	Hủy giao cảm	Propranolol	
4	Vitamin		
	Nhóm các vitamin tan trong	Vitamin B1, B6, C	Hóa Dược I, tr. 226-271

TT	Chương / Nhóm thuốc	Thuốc cụ thể	Ghi chú tài liệu
	nước Nhóm các vitamin tan trong dầu	Vitamin A, E	
5	Thuốc ức chế tiết acid		
	Nhóm kháng thụ thể H ₂	Ranitidin	Hóa Dược II, tr. 9-31
	Nhóm ức chế bơm proton	Omeprazol/Esomeprazol, Lansoprazol	
6	Thuốc điều trị tiểu đường		
	Nhóm sulfonylurea	Gliclazid	Hóa Dược II, tr. 56-64
	Nhóm biguanid	Metformin	
7	Thuốc kháng khuẩn quinolon	Ciprofloxacin, Levofloxacin	Hóa Dược II, tr. 78-84
8	Kháng sinh		
	Penicillin Cephalosporin	Penicillin G, Amoxicillin, Cefuroxim, Cefotaxim, Ceftriaxon	Hóa Dược II, tr. 102-176
	Aminosid	Streptomycin, Gentamicin	
	Macrolid	Erythromycin	
9	Thuốc điều trị lao		
	Phân loại, tên 1 số thuốc	Isoniazid, Rifampicin	Hóa Dược II, tr. 177-187

Ghi chú:

- Với nhóm thuốc, cần ôn tập phần đại cương: công thức cấu tạo chung hoặc đặc điểm cấu tạo chung (nếu có), phân loại (nếu có), tên các thuốc chính, tính chất lý hóa chung, tác dụng và chỉ định chung.
- Với từng thuốc, yêu cầu: Phân tích công thức cấu tạo để tìm ra các tính chất lý, hóa học có thể ứng dụng trong pha chế, kiểm nghiệm, bảo quản; tác dụng và chỉ định (câu hỏi thi sẽ cho công thức cấu tạo của từng thuốc).

II. DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II

MÔN CHUYÊN NGÀNH: DƯỢC LÝ - DƯỢC LÂM SÀNG

1. Các thông số Dược động học

- 1.1. Sinh khả dụng tuyệt đối: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.
- 1.2. Sinh khả dụng tương đối: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.
- 1.3. Hiệu chỉnh liều khi suy giảm chức năng thận: Nguyên tắc, các bước tiến hành.
- 1.4. Thời gian bán thải: Định nghĩa, công thức tính, ý nghĩa lâm sàng.

2. Tương tác thuốc (cơ chế và quản lý tương tác thuốc trên lâm sàng)

- 2.1. Tương tác thuốc-thuốc ở giai đoạn hấp thu.

2.2. Tương tác thuốc-thuốc ở giai đoạn chuyển hóa.

2.3. Ảnh hưởng của thức ăn đến hấp thu thuốc dùng đồng thời qua đường tiêu hóa và thời điểm dùng thuốc so với bữa ăn.

2.6. Các yếu tố quyết định thời gian uống thuốc hợp lý.

3. Phản ứng có hại của thuốc

3.1. Định nghĩa, phân loại, các yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR và các biện pháp nhằm hạn chế ADR.

3.2. Cách báo cáo ADR.

4. Các nguyên tắc sử dụng kháng sinh

4.1. Phân tích nguyên tắc "Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn".

4.2. Phân tích nguyên tắc "Lựa chọn kháng sinh phù hợp với vi khuẩn gây bệnh".

5. Các nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau

5.1. Thuốc giảm đau ngoại vi:

- Phân tích nguyên tắc "Tránh dùng quá mức liều giới hạn" khi dùng thuốc giảm đau ngoại vi.

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác dụng không mong muốn gây loét dạ dày tá tràng khi sử dụng các thuốc chống viêm không steroid (NSAID).

5.2. Thuốc giảm đau trung ương (các opioid):

- Phân loại thuốc giảm đau trung ương thành hai nhóm giảm đau trung ương mạnh và giảm đau trung ương yếu: cơ sở phân loại, ví dụ minh họa.

- Các biện pháp nhằm hạn chế tác dụng phụ không mong muốn gây tón bôn và gây buồn nôn/nôn khi sử dụng các thuốc giảm đau trung ương.

6. Các nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid (GC)

6.1. Hiện tượng ức chế trục dưới đồi - tuyến yên - tuyến thượng thận (trục HPA) và các biện pháp khắc phục tác dụng không mong muốn này khi sử dụng GC.

6.2. Khả năng gây loãng xương và các biện pháp khắc phục tác dụng không mong muốn này khi sử dụng GC.

MÔN CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC

1. Kỹ năng của các nhà quản trị. Yêu cầu về kỹ năng đối với mỗi cấp nhà quản trị. Vận dụng trong lĩnh vực công tác của học viên.
2. Chức năng của nhà quản trị: Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Vận dụng trong lĩnh vực công tác của học viên.
3. Các mô hình cơ cấu tổ chức: Trục tuyến, chức năng, trục tuyến - chức năng, ma trận. Vận dụng tại đơn vị công tác.
4. Chu trình cung ứng thuốc: Lựa chọn, mua sắm, tồn trữ cấp phát, sử dụng thuốc. Vận dụng vào thực tế công tác.

5. Các kỹ thuật phân tích sử dụng thuốc: phân tích nhóm điều trị, phân tích ABC, phân tích VEN, phân tích DDD. Ý nghĩa và thực tế vận dụng trong đánh giá sử dụng thuốc.
6. Văn bản pháp quy vận dụng trong quản lý lĩnh vực dược: đảm bảo chất lượng thuốc, dược bệnh viện, đấu thầu mua thuốc, kinh doanh thuốc.